

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/3/2023

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa.

2. Bà Mã Thị Huệ.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXHNGĐ - ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị P, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHTT: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

2. **Bị Đơn:** Anh Nông Đình T, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHTT: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/01/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Nông Thị P trình bày: Năm 2018 chị và anh T tổ chức

lễ cưới theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh ngày 07/11/2019. Việc đăng ký do hai vợ chồng tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau tại nhà chồng ở xã Đàm Thủy. Tuy nhiên từ năm 2020 thì chị và con chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, không quay lại nhà chồng nữa. Nguyên nhân là do chị phát hiện chồng sử dụng ma túy, bán hết các tài sản trong gia đình, mặc dù chị và gia đình nhiều lần khuyên nhủ và cho chồng đi cai nghiện nhưng không có kết quả. Sau hơn hai năm ly thân chồng không những không thay đổi mà còn ngày càng tệ hơn, anh T vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có một con chung tên là Nông Tiến Th, sinh ngày 05/12/201x. Hiện nay con đang sống cùng chị ở nhà ngoại. Trong thời gian sống chung giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Hiện nay chị xác định đã không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2023, bị đơn Nông Đình T xác nhận các vấn đề về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con cái, tài sản, nợ chung như chị P trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, vì vậy anh T nhất trí ly hôn cùng nguyện vọng nuôi con theo yêu cầu của chị P. Đồng thời anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị P được ly hôn anh Nông Đình T;

- Về con chung: Giao cháu Nông Tiến Th, sinh ngày 05/12/201x cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn và quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị P phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Nông Đình T có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị P yêu cầu ly hôn anh Nông Đình T, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị P và anh Nông Đình T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2018 và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị P và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Nông Tiến Th, sinh ngày 05/12/201x. Tuy nhiên từ năm 2020 thì chị P và con chuyển về nhà mẹ để sinh sống cho đến nay, không quay lại nhà chồng nữa. Nguyên nhân là do chị phát hiện chồng sử dụng ma túy, bán hết các tài sản trong gia đình, mặc dù chị và gia đình nhiều lần khuyên nhủ và cho chồng đi cai nghiện nhưng không có kết quả. Sau hơn hai năm ly thân chồng không những không thay đổi mà còn ngày càng tệ hơn, anh T vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2023, bị đơn Nông Đình T cũng xác nhận các vấn đề về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con cái, tài sản, nợ chung như chị P trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, vì vậy anh T nhất trí ly hôn cùng nguyện vọng nuôi con theo yêu cầu của chị P. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị P và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị P và anh T có 01 con chung tên là Nông Tiến Th, sinh ngày 05/12/201x, hiện nay cháu đang sống cùng chị P. Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề này anh T cũng hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự

tự nguyện thỏa thuận giữa chị P và anh T về vấn đề con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho việc phát triển của cháu Th cần giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị P được ly hôn anh Nông Đình T.
2. *Về con chung*: Giao cháu Nông Tiến Th, sinh ngày 05/12/201x cho chị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.
3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.
5. *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- Lưu hồ sơ.

Nông Văn Tùng